

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/DS-PT

Ngày: 18/10/2021

*V/v: “Tranh chấp quyền sử
dụng đất, tranh chấp lối đi và
yêu cầu chia di sản thừa kế”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Chìu

Các Thẩm Phán: Ông Mai Tấn Hoàng

Bà Vũ Ngọc Hà

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Thiện Nam –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18/10/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLPT-DS ngày 24/5/2021 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp lối đi và yêu cầu chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXX- PT ngày 06/9/2021, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 20/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Huỳnh H, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1964; Địa chỉ: K 1, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trịnh Bình T – Văn phòng Luật sư Dân Tín; Địa chỉ: 76 Nguyễn Huệ, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: ông Huỳnh V, sinh năm 1968 và bà Đỗ Thị Ngọc T, sinh năm 1968; Địa chỉ: K 1, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Ông V ủy quyền cho bà T tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 16/3/2017). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Có đơn xin vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Có đơn xin vắng mặt).

- Cụ Dương Thị T, sinh năm 1935. Cụ T ủy quyền cho ông Huỳnh V tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 24/3/2021, ông V có mặt.

- Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1962. Có mặt.

- Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1970. Bà L ủy quyền cho bà Huỳnh Thị H tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 07/9/2018, bà H có mặt.

- Ông Huỳnh V, sinh năm 1973. Có mặt.

Cụ T, bà H, bà L, ông V cùng địa chỉ: K 1, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

- Bà Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn T 1, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Ông Huỳnh Kim H, sinh năm 1978; Địa chỉ: khu phố P 3, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Ông H ủy quyền cho cụ Dương Thị T tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2018, cụ T vắng mặt.

- Anh Huỳnh Thanh L, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt).

- Anh Huỳnh Thanh L, sinh năm 1996 (Có đơn xin vắng mặt).

- Anh Huỳnh Kim H, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Anh L, anh L, anh H cùng địa chỉ: K 1, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Huỳnh V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2017 và tài liệu có tại hồ sơ, nguyên đơn vợ chồng ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T và người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn thống nhất trình bày: Nguyên cha mẹ của ông Huỳnh H là cụ Huỳnh P (chết), cụ Dương Thị T có tạo lập diện tích 1.200m² đất tọa lạc tại K 1, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Huỳnh P vào năm 1992. Trước khi Nhà nước cấp đất theo Nghị định 64/CP, cụ P cho vợ chồng ông H, bà T 500m², việc tặng cho không lập bằng văn bản nhưng cụ P đã kê khai việc cho đất đối với vợ chồng ông H, bà T vào năm 1995. Sau đó, Nhà nước cân đối theo Nghị định 64/CP cấp 100m² (đất nông nghiệp) trong 500m² mà cụ P cho và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại 400m² (gồm 200m² đất ở và 200m² đất vườn) chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì chưa tách thửa.

Năm 1993, vợ chồng ông H, bà T xây dựng một ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất cha mẹ cho, khi xây dựng có chừa một khoảng đất trống giáp ranh với thửa đất của bị đơn vợ chồng ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T được cấp theo Nghị định 64/CP. Vì công việc làm ăn nên vợ chồng ông H, bà T thường xuyên vắng nhà và khi kiểm tra thì phát hiện ông V, bà T đã xây dựng nhà qua ranh giới sang phần đất của ông H, bà T 57,2m² theo bản vẽ trích đo chính lý hiện trạng địa chính khu đất nên yêu cầu bị đơn vợ chồng ông V, bà T trả lại diện tích 57,2m² đã lấn chiếm theo bản vẽ trích đo chính lý hiện trạng địa chính khu đất ngày 19/11/2019.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của bị đơn ông Huỳnh V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Dương Thị T, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị Mỹ D, ông Huỳnh V thì vợ chồng ông H, bà T không chấp nhận vì

thửa đất 1061 được cha mẹ cho, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông H, bà T đã đăng ký kê khai và được Nhà nước cân đối cấp theo Nghị định 64/CP.

Bị đơn vợ chồng ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T có yêu cầu phản tố ngày 26/5/2017 thống nhất trình bày: Vợ chồng ông V, bà T được Nhà nước cân đối cấp một số diện tích đất, trong đó có thửa 246, tờ bản đồ số 02, diện tích 365m², loại đất màu. Sau khi được cấp đất vợ chồng ông V, bà T xây dựng nhà ở trên thửa 246 vào khoảng năm 1997, đến năm 2006 sửa chữa lại như hiện trạng thì vợ chồng ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T cho rằng vợ chồng ông V, bà T lấn chiếm đất của ông H, bà T.

Vợ chồng nguyên đơn ông H, bà T cho rằng không có lỗi đi vào thửa đất, nhà của vợ chồng ông V, bà T là không đúng, bị đơn không lấn đất nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông H, bà T; đồng thời bị đơn vợ chồng ông V, bà T có yêu cầu phản tố buộc vợ chồng ông H, bà T phải trả lại lỗi đi cho vợ chồng ông V, bà T như cha mẹ đã cho con đường đi trước đây có kích thước rộng 4,5m, dài 8,7m.

Ngày 06/6/2018, ông Huỳnh V có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 962, tờ bản đồ 24, diện tích 1.200m² do cụ Huỳnh P đứng tên tại GCNQSDĐ số A 153802 cấp ngày 10/12/1992 theo quy định pháp luật, thửa đất này là của cụ Huỳnh P, cụ Dương Thị T tạo mãi; không đồng ý để cho vợ chồng ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T ở trên thửa đất của cha mẹ ông mà nguyên đơn đang sử dụng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2018, cụ Dương Thị T, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị Mỹ D, bà Huỳnh Thị Kim L, ông Huỳnh V (có yêu cầu độc lập) và ông Huỳnh Kim H thống nhất trình bày: Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 962, tờ bản đồ 24, diện tích 1.200m² do cụ Huỳnh P đứng tên tại GCNQSDĐ số A 153802 cấp ngày 10/02/1992 theo quy định pháp luật, thửa đất này là của cụ Huỳnh P, cụ Dương Thị T tạo mãi; không đồng ý để cho vợ chồng ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T ở trên thửa đất của cha mẹ ông mà nguyên đơn đang sử dụng. Về lỗi đi và phần diện tích đất đang tranh chấp giữa vợ chồng Huỳnh H với vợ chồng Huỳnh V thì thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của bị đơn.

- UBND phường H và UBND thị xã Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

- Anh Huỳnh Thanh L, Huỳnh Thanh L trình bày: Nhà và đất là của cha mẹ (ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T), các anh là con nên không có yêu cầu giải quyết vấn đề gì và xin giải quyết vắng mặt.

- Anh Huỳnh Kim H (con của ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T) vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm: Nguyên đơn ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T thống nhất xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp phần diện tích 57,2m²

(53,8m² + 3,4m²) đối với bị đơn, đề nghị giữ nguyên hiện trạng theo bản vẽ ngày 19/11/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên và công nhận phần diện tích 357,7m² thửa 1061 (1361), tờ bản đồ 2A, được cụ Huỳnh P tặng cho thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn. Nguyên đơn thống nhất theo yêu cầu của bị đơn ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T về con đường đi vào thửa đất 246 của bị đơn có kích thước bề ngang là 3m tính từ móng đá chẻ của nguyên đơn ra đến bờ đất phía trước thửa đất của nguyên đơn đang sử dụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết vụ án đối với tranh chấp phần diện tích 57,2m², công nhận phần diện tích 357,7m² thửa 1061 (1361), tờ bản đồ 2A, được cụ Huỳnh P tặng cho thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn và giữ nguyên hiện trạng các thửa đất theo bản vẽ ngày 19/11/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên mà các đương sự đang sử dụng; ghi nhận sự thỏa thuận của các nguyên đơn và bị đơn về đường đi vào thửa đất 246 của bị đơn có kích thước bề ngang là 3m tính từ móng đá chẻ của nguyên đơn ra đến bờ đất phía trước thửa đất của nguyên đơn; đình chỉ giải quyết đối với tranh chấp về di sản thừa kế.

Bị đơn ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T xin rút lại yêu cầu về tranh chấp lối đi có bề ngang 4,5m và yêu cầu nguyên đơn chấm dứt hành vi cản trở sử dụng lối đi chung; yêu cầu Tòa án xem xét về đường đi vào thửa đất 246 của bị đơn có kích thước bề ngang là 3m tính từ móng đá chẻ của nguyên đơn ra đến bờ đất phía trước thửa đất của nguyên đơn.

Bị đơn ông Huỳnh V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Dương Thị T, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị Mỹ D, bà Huỳnh Thị Kim L, ông Huỳnh V xin rút toàn bộ yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh P.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa đã quyết định:

Áp dụng các Điều 160, 166, 175, 176, 218, 219, 254, 649, 651 Bộ luật Dân sự; Điều 73 Luật Đất đai năm 1993; các Điều 26, 166, 167 và khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai 2013; các Điều 157, 165, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 18, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T với bị đơn (ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T) về “tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với diện tích 57,2m², có tứ cận: Đông giáp nhà đất ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T; Tây giáp đất và nhà ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T; Nam giáp đất ruộng; Bắc giáp sân kho (bản vẽ kèm theo).

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giữ nguyên hiện trạng ranh giới, mốc giới các thửa đất mà các đương sự đang quản lý, sử dụng theo bản vẽ trích đo chính lý hiện trạng thửa đất ngày 19/11/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên (kèm theo bản vẽ).

3. Công nhận 357,7m² thuộc thửa 1061 (1361), tờ bản đồ 2A tọa lạc tại K 1, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có tứ cận: Đông giáp nhà đất của cụ Dương Thị T, cụ Huỳnh P; Tây giáp nhà đất ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T; Nam giáp đường đất; Bắc giáp sân kho – là tài sản chung của ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T (kèm theo bản vẽ).

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn (ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T) về “tranh chấp lỗi đi” với nguyên đơn (ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T).

5. Ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T với bị đơn ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T: con đường đất đi vào thửa đất 246 của bị đơn ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T có kích thước bề rộng là 3m tính từ móng đá chẻ của nguyên đơn ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T xây dựng (cạnh phía nam thửa đất của nguyên đơn) ra đến bờ đất (kèm theo bản vẽ).

6. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh V và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Dương Thị T, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị Mỹ D, bà Huỳnh Thị Kim L, ông Huỳnh V về “tranh chấp di sản thừa kế” đối với tài sản của cụ Huỳnh P để lại.

Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần di sản của cụ Huỳnh P để lại bằng một vụ án khác.

7. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được chỉnh lý, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, bị đơn ông Huỳnh V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vợ chồng ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T thống nhất xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp phần diện tích 57,2m² đối với bị đơn, đề nghị giữ nguyên hiện trạng theo bản vẽ ngày 19/11/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên và yêu cầu công nhận phần diện tích 357,7m² thửa 1061 (1361), tờ bản đồ 2A, được cụ Huỳnh P tặng cho thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn. Nguyên đơn thống nhất theo yêu cầu của bị đơn ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T về con đường đi vào thửa đất 246 của bị đơn có kích thước bề ngang là 3m tính từ móng đá chẻ của nguyên đơn ra đến bờ đất phía trước thửa đất của nguyên đơn đang sử dụng.

Bị đơn ông Huỳnh V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu phản tố và kháng cáo.

Ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá

trình giải quyết vụ án tại phiên tòa tiến hành tổ tụng đúng pháp luật tổ tụng dân sự, các đương sự tham gia tổ tụng chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh V thấy rằng: Đối tượng tranh chấp của các bên là diện tích đất 57,2m² đã lần chiếm thuộc thửa 1061 (1361), tờ bản đồ 2A, theo bản vẽ trích đo chính lý hiện trạng địa chính khu đất ngày 19/11/2019.

[3] Hơn nữa, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm: Nguyên đơn ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp phần diện tích 57,2m² đối với bị đơn, được Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết vụ án đối với tranh chấp phần diện tích 57,2m², công nhận phần diện tích 357,7m² thửa 1061 (1361), tờ bản đồ 2A, được cụ Huỳnh P tặng cho thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn, giữ nguyên hiện trạng theo bản vẽ ngày 19/11/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn thống nhất theo yêu cầu của bị đơn ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T về con đường đi vào thửa đất 246 của bị đơn có kích thước bề ngang là 3m tính từ móng đá chẻ của nguyên đơn ra đến bờ đất phía trước thửa đất của nguyên đơn đang sử dụng.

[4] Mặt khác, bị đơn ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T xin rút lại toàn bộ yêu cầu về tranh chấp lối đi có bề ngang 4,5m và yêu cầu nguyên đơn chấm dứt hành vi cản trở sử dụng lối đi chung; yêu cầu Tòa án xem xét về đường đi vào thửa đất 246 của bị đơn có kích thước bề ngang là 3m tính từ móng đá chẻ của nguyên đơn ra đến bờ đất phía trước thửa đất của nguyên đơn.

[5] Bị đơn ông Huỳnh V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Dương Thị T, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị Mỹ D, bà Huỳnh Thị Kim L, ông Huỳnh V xin rút toàn bộ yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh P.

[6] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Các quan hệ pháp luật mà các bên đương sự đang tranh chấp đã được nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất, thỏa thuận, tự nguyện xin rút toàn bộ các yêu cầu tranh chấp, không bị ai ép buộc hoặc đe dọa, không trái với đạo đức xã hội và được Tòa án chấp nhận là phù hợp với quy định pháp luật về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. (Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự).

[7] Từ những căn cứ trên, thấy rằng nội dung kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh V là không có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh V không được chấp nhận nên bị đơn ông Huỳnh V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 160, 166, 175, 176, 218, 219, 254, 649, 651 Bộ luật Dân sự; Điều 73 Luật Đất đai năm 1993; các Điều 26, 166, 167 và khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai 2013; các Điều 157, 165, khoản 3 Điều 18, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T với bị đơn (ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T) về “tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với diện tích 57,2m², có tứ cận: Đông giáp nhà đất ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T; Tây giáp đất và nhà ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T; Nam giáp đất ruộng; Bắc giáp sân kho (bản vẽ kèm theo).

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giữ nguyên hiện trạng ranh giới, mốc giới các thửa đất mà các đương sự đang quản lý, sử dụng theo bản vẽ trích đo chỉnh lý hiện trạng thửa đất ngày 19/11/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên (kèm theo bản vẽ).

3. Công nhận 357,7m² thuộc thửa 1061 (1361), tờ bản đồ 2A tọa lạc tại K 1, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có tứ cận: Đông giáp nhà đất của cụ Dương Thị T, cụ Huỳnh P; Tây giáp nhà đất ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T; Nam giáp đường đất; Bắc giáp sân kho – là tài sản chung của ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T (kèm theo bản vẽ).

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn (ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T) về “tranh chấp lối đi” với nguyên đơn (ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T).

5. Ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T với bị đơn ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T: Con đường đất đi vào thửa đất 246 của bị đơn ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T có kích thước bề rộng là 3m tính từ móng đá chẻ của nguyên đơn ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T xây dựng (cạnh phía nam thửa đất của nguyên đơn) ra đến bờ đất (kèm theo bản vẽ).

6. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh V và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Dương Thị T, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị Mỹ D, bà Huỳnh Thị Kim L, ông Huỳnh V về “tranh chấp di sản thừa kế” đối với tài sản của cụ Huỳnh P để lại.

Các đương sự được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần di sản của cụ Huỳnh P khi có đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh.

7. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được chỉnh lý, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

8. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T, bị đơn ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Dương Thị T, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị Mỹ D, bà Huỳnh Thị Kim L, ông Huỳnh V tự nguyện chịu, đã nộp đủ nên không xem xét.

9. Về án phí:

Nguyên đơn ông Huỳnh H, bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 0003610 ngày 15/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn ông Huỳnh V, bà Đỗ Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và ông Huỳnh V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 0003750 ngày 26/5/2017 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 0001522 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Hoàn trả cho cụ Dương Thị T, bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh V, bà Huỳnh Thị Kim L, ông Huỳnh V, bà Huỳnh Thị Mỹ D mỗi người 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại các Biên lai thu tiền số 0009085, 0009086, 0009087, 0009088, 0009089, 0009090 cùng ngày 04/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Phú Yên
- Chi cục THADS TX. Đông Hòa
- TAND TX. Đông Hòa
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Chịu